

Bản án số: 12/2023/DSPT

Ngày 02/02/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Dung

*Các Thẩm phán:*

Ông Đặng Văn Lộc

Ông Nguyễn Văn Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa :**  
Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2022/TLPT-DS ngày 30/12/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2022/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn:** Ông Võ Thanh V, sinh năm 1957; Địa chỉ: đường T, khu B, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 26/7/2022, có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Anh Giáp Văn C, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Chị Nguyễn Hồng Ph, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**Người kháng cáo:** Anh Giáp Văn C và chị Nguyễn Hồng Ph là bị đơn

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 18/11/2020, sửa đổi bổ sung ngày 06/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày:* Vào ngày 08/02/2020 dl (nhằm ngày 15/01/2020 âm lịch) chị H có cho chị Ph vay số tiền 76.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay vài ngày trả lại, có làm biên nhận, anh Giáp Văn C là chồng chị Ph. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Ph, anh C trả chị H số tiền vay vốn 76.000.000 đồng và tiền lãi 1,66%/tháng từ ngày 08/02/2020 đến ngày 19/10/2021 là 20 tháng bằng 25.232.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 101.232.000 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền vay vốn 76.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 08/02/2020 đến ngày 08/10/2022 là 32 tháng x lãi suất 1,66%/tháng bằng số tiền lãi 40.371.000 đồng, tổng cộng vốn lãi 116.371.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy mượn tiền ngày 15/01/2020 âm lịch; Biên bản ghi lời khai tại Công an xã B ngày 08/6/2020.

*Trong bản tự khai ngày 29/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh C và chị Ph cùng trình bày:* Anh C, chị Ph không thừa nhận có vay số tiền 76.000.000 đồng như chị H trình bày, chị Ph không có ký tên vào biên nhận mượn tiền do chị H cung cấp, biên nhận nợ là do chị H tự viết và tự ký tên. Trước đây, vào năm 2019 chị Ph có vay chị H nhiều lần với số tiền 50.000.000 đồng đã được giải quyết xong. Nay anh C và chị Ph không đồng ý trả chị H số tiền vay vốn và lãi theo yêu cầu khởi kiện của chị H vì số tiền này đã giải quyết xong tại biên bản hòa giải thành ngày 15/10/2020. Biên nhận ngày 15/01/2020 âm lịch có sửa từ lãi suất 5% thành 3%. Đề nghị không buộc anh C có trách nhiệm cùng chị Ph trả tiền cho chị H do anh C không biết số tiền chị Ph vay và số tiền vay 76.000.000 đồng là không có.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số:59/2022/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 147, 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm H.

Buộc bị đơn Nguyễn Hồng Ph và Giáp Văn C có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm H số tiền số tiền vay vốn 76.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 08/02/2020 đến ngày 08/10/2022 tính tròn 32 tháng, lãi suất 1,66%/tháng tính tròn 32 tháng, số tiền lãi là 40.371.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi 116.371.000đồng (một trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

*Sau khi xét xử sơ thẩm*, ngày 15/11/2022 Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của anh C và chị Ph yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không buộc anh C và chị Ph phải trả cho chị H số tiền nợ vốn và lãi 116.371.000đồng

*Tại phiên tòa phúc thẩm*; người kháng cáo anh C và chị Ph giữ nguyên kháng cáo không đồng ý trả chị H số tiền nợ vốn và lãi 116.371.000đồng vì anh C không liên quan đến số tiền này, chị Ph không nợ tiền chị H mà số tiền này đã được giải quyết xong bằng Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự. Chữ ký trong biên nhận nợ không phải do chị Ph ký. Người đại diện hợp pháp của chị H không đồng ý kháng cáo của anh C và chị Ph, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

***Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Không chấp nhận kháng cáo của anh C và chị Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh C và chị Ph phải nộp án phí phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của anh C và chị Ph còn trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Vào ngày 08/02/2020 dl (nhằm ngày 15/01/2020 âl) chị H có cho chị Ph vay số tiền 76.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, không quy định thời hạn trả nợ, có viết biên nhận ngày 15/01/2020 âl, chị Ph không thừa nhận chữ ký tên và ghi họ tên tại biên nhận là của chị Ph. Tại kết luận giám định số 399/KLGD-PC09 ngày 19/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long và giám định số 91/C09B ngày 10/02/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh của Bộ Công an xác định: Chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Hồng Ph dưới mục “Người mượn tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Hồng Ph trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M10 là do cùng một người ký và viết ra. Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/6/2020 của Công an xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long chị Ph cũng thừa nhận còn nợ chị H số tiền tổng cộng 128.000.000 đồng (tiền lời+tiền gốc). Tại biên bản hòa giải ngày 15/10/2020 (bút lục 52) của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn có nội dung: Chị Ph, anh C thống nhất trả chị H số tiền vay 50.580.000 đồng. Đối với số tiền 76.000.000 đồng thì chị Ph, anh C không thừa nhận có vay nợ nên chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện là chưa yêu cầu tòa án giải quyết số tiền 76.000.000 đồng. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với số tiền 50.580.000 đồng mà chưa giải quyết số tiền 76.000.000 đồng là có căn cứ. Đến ngày 20/11/2020 Tòa án thụ lý lại đơn khởi kiện của chị H yêu cầu chị Ph trả số tiền 76.000.000 đồng là phù hợp pháp luật. Chị Ph vay tiền của chị H để mua bán nhỏ lẻ, chơi hụi nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu tiêu dùng trong gia đình. Tại thời điểm vay tiền anh C là chồng chị Ph sống chung với chị Ph, cùng làm ăn sinh sống nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh C có trách nhiệm cùng chị Ph trả số tiền vay cho chị H là phù hợp Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh C và chị Ph nên thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí giám định: Buộc chị Ph, anh C nộp 5.100.000 đồng khấu trừ số tiền nộp tạm ứng 7.000.000 đồng, hoàn trả chị Ph, anh C 1.900.000 đồng. Hoàn trả chị H số tiền nộp tạm ứng chi phí giám định 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh C, chị Ph phải nộp số tiền 5.818.500 đồng (năm triệu tám trăm mười tám nghìn năm trăm đồng). Hoàn trả chị H số tiền nộp tạm ứng 2.467.000 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016545 ngày 20/11/2020 và biên lai thu số 0014532 ngày 06/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn không bị

kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Giáp Văn C và chị Nguyễn Hồng Ph.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 147, 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H. Buộc bị đơn chị Nguyễn Hồng Ph và anh Giáp Văn C có nghĩa vụ trả chị Nguyễn Thị Cẩm H số tiền vay vốn 76.000.000 đồng và tiền lãi 40.371.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 116.371.000 đồng (một trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Hồng Ph và anh Giáp Văn C mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015000 và số 0003751 cùng ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí giám định: Buộc chị Ph, anh C nộp 5.100.000 đồng khấu trừ số tiền nộp tạm ứng 7.000.000 đồng, hoàn trả chị Ph, anh C 1.900.000 đồng. Hoàn trả chị H số tiền nộp tạm ứng chi phí giám định 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh C,

chị Ph phải nộp số tiền 5.818.500 đồng (năm triệu tám trăm mười tám nghìn năm trăm đồng). Hoàn trả chị H số tiền nộp tạm ứng 2.467.000 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016545 ngày 20/11/2020 và biên lai thu số 0014532 ngày 06/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Thị Ngọc Dung**